

[porno](#) [porn](#)

1/ Hình thức thanh toán

Theo quy định tại Điều 4 của Thông tư 09/2015/TT-BTC ngày 29/01/2015 hướng dẫn về Hình thức thanh toán trong giao dịch vay, cho vay và trả nợ vay lẫn nhau giữa các doanh nghiệp không phải là tổ chức tín dụng:

- Các doanh nghiệp không phải tổ chức tín dụng (là các doanh nghiệp không thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng) khi thực hiện các giao dịch vay, cho vay và trả nợ vay lẫn nhau sẽ dùng các hình thức thanh toán như sau:

a) Thanh toán bằng Séc;

b) Thanh toán bằng ủy nhiệm chi – chuyển tiền;

c) Các hình thức thanh toán không sử dụng tiền mặt phù hợp khác theo quy định hiện hành.

- Các doanh nghiệp không phải tổ chức tín dụng khi thực hiện giao dịch vay, cho vay và trả nợ vay lẫn nhau bằng tài khoản (không phải bằng tiền), để trừ công nợ, chuyển giao nghĩa vụ nợ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Như vậy khi doanh nghiệp không phải tổ chức tín dụng thực hiện giao dịch vay, cho vay và trả nợ lẫn nhau thì **KHÔNG ĐƯỢC** thực hiện bằng hình thức thanh toán là tiền mặt (tiền giấy, tiền kim loại do Ngân hàng Nhà nước phát hành).

2/ Quy định về chi phí lãi vay được trừ khi tính thu TNDN

a. Chi phí lãi vay **PHẢI** được trừ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

b. Theo quy định tại Điều 2.17 và 2.18, Khoản 2, Điều 6 của thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Điều 4 của thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 sau đây, bổ sung một số điều của thông tư số 78 thì chi phí lãi vay **KHÔNG** được tính vào chi phí được trừ khi tính thu TNDN trong trường hợp:

2.17. Phần chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất kinh doanh của đơn vị đang không phải là tài chính tín dụng hoặc tài chính kinh tế vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay.

Như vậy khi vay cá nhân, nếu lãi suất vay vượt quá 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì phần vượt quá đó sẽ không được tính là chi phí được trừ khi tính thu TNDN.

Note: Lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố

Lãi suất cơ bản là mức lãi suất thấp nhất, có thể xem là mức lãi suất “sàn” do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định.

Theo Điều 1, Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam do Thống đốc ngân hàng Nhà nước ban hành có quy định như sau:

“Quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm”.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2010 và thay thế Quyết định số [2619/QĐ-NHNN](#)

ngày 05 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng được Ngân hàng Nhà nước và mức lãi suất cơ bản ngân hàng Việt Nam. Văn bản này từ nay vẫn còn hiệu lực và không quy định cách thức là lãi suất cho vay hay đi vay nên hiện vẫn còn được sử dụng để xác định mức vốn lãi suất theo Thông tư 78.

2.18. Chi trả lãi tiền vay từ ngân hàng với phần vốn đi vay (đối với doanh nghiệp tự nhân là vốn đi vay) đã đăng ký còn thi hành theo tiến độ góp vốn ghi trong đi vay của doanh nghiệp kể cả trường hợp doanh nghiệp đã đi vào sản xuất kinh doanh. Chi trả lãi tiền vay trong quá trình đi vay đã được ghi nhận vào giá trị của tài sản, giá trị công trình đi vay.

Trường hợp doanh nghiệp đã góp vốn đi vay, trong quá trình kinh doanh có khoản chi trả lãi tiền vay đi vay vào doanh nghiệp khác thì khoản chi này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

Chi trả lãi tiền vay từ ngân hàng với vốn đi vay còn thi hành theo tiến độ góp vốn ghi trong đi vay của doanh nghiệp không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế được xác định như sau:

- Trường hợp số tiền vay như hạn hoặc bằng số vốn đi vay còn thi hành thì toàn bộ lãi tiền vay là khoản chi không được trừ.

- Trường hợp số tiền vay lớn hơn số vốn đi vay còn thi hành theo tiến độ góp vốn:

+ Nếu doanh nghiệp phát sinh nhu cầu vay thì khoản chi trả lãi tiền vay không được trừ bằng tỷ lệ (%) giữa vốn đi vay còn thi hành trên tổng số tiền vay nhân (x) tổng số lãi vay.

+ Nếu doanh nghiệp chỉ phát sinh một khoản vay thì khoản chi trả lãi tiền vay không được trừ bằng số vốn đi vay còn thi hành nhân (x) lãi suất của khoản vay nhân (x) thời gian góp vốn đi vay còn thi hành.

QUY ĐỊNH CẤU A CHÍNH SÁCH THU VÀ CHI PHÍ LÃI VAY

onhicpa@... ..

..., 29/9/2020 07:29 -, 29/9/2020 07:38

(Lãi vay thực hiện theo quy định tại điểm 2.17 Điều này).

Note: Thời hạn góp vốn dĩ nhiên

Từ ngày 1/7/2015 theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 có quy định về thời hạn vốn góp như sau: “Thành viên phải góp vốn phần vốn góp cho công ty để và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (kể cả Công ty Cổ phần, Công ty TNHH Một thành viên, Công ty TNHH Hai thành viên trở lên).”

c. Các chương trình của thị trường khác để chi phí lãi vay là chi phí hợp lý

- Hợp đồng vay tiền.
- Nếu là vay cá nhân thì phải khấu trừ 5% để nộp thuế TNCN do đây là khoản thu nhập từ tiền vốn, theo quy định tại Khoản 3, Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013.
- Nếu là vay doanh nghiệp không phải là tài khoản [A1] [TN2] chức tín dụng thì phải yêu cầu Công ty cho vay xuất hóa đơn GTGT theo quy định Khoản 7, Điều 3, Thông tư 26/2015/TT-BTC “Người bán phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, thay thế hàng cho người lao động (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất)”, trên hóa đơn ghi rõ thu lãi tiền vay và dòng thuế suất, số thuế GTGT không ghi và gạch chéo (do lãi vay là dịch vụ không chịu thuế GTGT theo quy định tại Điều 6b, Khoản 8, Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC).

3/ Một số lưu ý khác

a. Theo quy định tại Điều 6, Khoản 2, Điều 25 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013: “Qua kiểm tra hàng hóa mua vào, bán ra thực tế nghiệp vụ nhập thu hạch toán giá trị hàng hóa mua vào, bán ra không theo giá thực tế thanh toán phù hợp với thực tế. Các quan thuế có thể tham khảo giá hàng hóa, dịch vụ do các quan quản lý nhà nước cùng thẩm định, hoặc giá mua, giá bán của các doanh nghiệp kinh doanh cùng ngành nghề, cùng mức hàng hóa giá bán của doanh nghiệp kinh doanh cùng mức hàng có qui mô kinh doanh và số khách hàng lớn tại địa phương để xác định giá thực tế thanh toán phù hợp với thực tế làm căn cứ để định giá bán, giá mua và số thuế phải nộp”.

Như vậy, khi Doanh nghiệp cho vay, mượn tiền (không phân biệt [A1] [DTHN2] thực tế hay cá nhân) mà không có lãi hoặc lãi suất bằng 0% thì có thể số báo cáo quan thuế để định số lãi phải nộp do đây là giao dịch không theo giá thông thường trên thực tế.

b. Thực tế hợp doanh nghiệp vay vốn kinh doanh trong khi quá tiền mặt tiền nhàn, thì chi phí lãi vay có được tính vào chi phí được trừ

Theo công văn 1828/CT-TTHT của Cục thuế Bình Phước ngày 12/10/2015, nếu chi phí lãi vay của doanh nghiệp vay tại thời điểm số dư tiền mặt, tiền gửi cao hơn số tiền vay, thì công ty phải ghi trình chứng minh kế hoạch số dư số tiền đó trong nghiệp vụ sổ kế. Nếu công ty không chứng minh được, hoặc các quan thuế kiểm tra không đúng như công ty ghi trình thì:

- Không được tính vào chi phí được trừ chi phí lãi vay của doanh nghiệp vay tại thời điểm số dư tiền mặt và tiền gửi lớn hơn số tiền vay.
- Phải thực hiện hành chính và thuế.

Như vậy, trong thực tế hợp Công ty còn tiền quá tiền mặt tiền nhàn mà có phát sinh chi phí lãi vay thì chi phí lãi vay này có rõ ràng không được tính vào chi phí được trừ.

4/. Quy định về giao dịch liên kết

QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH THU VÀ CHI PHÍ LÃI VAY

onhthcpa@... ..

..., 29/9/2020 07:29 -, 29/9/2020 07:38

Theo Khoản 3, Điều 8, Nghị định 20/2017/NĐ-CP và Điều 1 Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 sửa đổi bổ sung Khoản 3, Điều 8 của Nghị định 20, quy định về chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu TNDN đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết:

“Tổng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong kỳ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thu nhập hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ”.

(Tổng lợi nhuận thu nhập hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ : EBITDA).

Nếu EBITDA [A3] .

Nếu EBITDA > 0: phần chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA KHÔNG được trừ trong kỳ tính thuế. [\[A4\]](#)

Theo quy định tại Điều 1 Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 sửa đổi bổ sung Khoản 3, Điều 8 của Nghị định 20 “Phần chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại điểm a khoản này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp

hợp tổng chi phí lãi vay phát [A1] [TN2] sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo theo hợp lệ quy định tại điểm a khoản này. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ”.

Như vậy, phần chi phí lãi vay thu nhập (chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) vượt quá 30% EBITDA không được trừ năm nay sẽ được chuyển sang năm sau trong trường hợp tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau thấp hơn 30% EBITDA. Thời gian chuyển được tính liên tục không quá 5 năm.

QUY ĐỊNH NH C A CHÍNH SÁCH THU V CHI PHÍ LÃI VAY

onhicpa@ .
 , 29 9 2020 07:29 - 29 9 2020 07:38

Ví d :

S li u trên Báo cáo tài chính

Năm 2019

Năm 2020

Chi phí lãi vay (a)

600.000.000

400.000.000

Lãi t n g i (b)

2.000.000

3.000.000

QUY ĐỀ NH C A CHÍNH SÁCH THU V CHI PHÍ LÃI VAY

onhicpa@ .

, 29 9 2020 07:29 - , 29 9 2020 07:38

Chi phí khấu hao (c)

500.000.000

500.000.000

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (d)

300.000.000

500.000.000

--> **EBITDA**

$$(e) = (d) + (a - b) + (c)$$

1.398.000.000

1.397.000.000

--> **30% EBITDA**

(f)

419.400.000

QUY ĐỊNH NH C A CHÍNH SÁCH THU V CHI PHÍ LÃI VAY

onthicpa@ .

, 29 9 2020 07:29 - , 29 9 2020 07:38

419.100.000

Chi phí lãi vay đ c tr (g) = (f)

419.400.000

419.100.000

Chi phí lãi vay không đ c tr chuyển n k sau (h) = (a - b - g)

178.600.000

0

Chuyển s t năm tr c (i) = g – (a-b)

22.100.000

S còn l i đ c chuyển (j) = (h – i)

156.500.000

QUY ĐỀ NH C A CHÍNH SÁCH THU V CHI PHÍ LÃI VAY

onhicpa@ .

, 29 9 2020 07:29 - , 29 9 2020 07:38

Ta s chuyển n 22.100.000 VND t kho n 178.600.000 VND sang năm 2020 đ tính vào chi phí đ c tr c a năm 2020.